TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST Ngày: 02-02-2024 V/v tranh chấp về ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Ngọc Hoàng An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm.

2. Ông Đỗ Minh Tùng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Phương – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 925/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023 về việc: "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu V, sinh năm 1970 – có mặt.
Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1966 – có mặt.
Cùng hộ khẩu thường trú: Khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Cùng tạm trú: Đường NE4, tổ 5, khu phố 8, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong Đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2023 và lời khai của nguyên đơn bà Trần Thị Thu V trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:*

Về hôn nhân: Qua thời gian tìm hiểu, ông H và bà V có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn 13/12/1990 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông H thường xuyên uống rượu, đánh bạc rồi về nhà chửi mắng bà V và con chung,

đập phá đồ đạc, đánh đập con chung, dọa giết bà V, rồi ném đồ đạc như dao, xà beng, ghế vào bà V mà không có lý do. Những lúc như vậy, bà V thường nhẫn nhịn, chịu đựng. Ông H còn không phụ giúp bà V về kinh tế trong gia đình và chăm sóc con cái. Vợ chồng mâu thuẫn như vậy trong khoảng 30 năm nay, tuy nhiên vì thương con chung, bà V đã cố gắng chịu đựng nhưng ông H không thay đổi. Vì không thể chịu đựng được nữa và bà V không còn tình cảm nên bà đã sống riêng hơn 01 năm nay với ông H. Thời gian sống riêng, bà V không quan tâm, chăm sóc ông H. Nay, bà V yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Trong thời gian Tòa án cho vợ chồng tự hàn gắn tình cảm, ông H có điện thoại, nhắn tin cho bà V nhưng bà không đồng ý hàn gắn tình cảm với ông H.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có hai con chung tên: Phạm Thị Bích H, sinh năm 1991 và Phạm Tuấn V, sinh năm 1994. Các con chung đã trưởng thành nên bà V không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Văn H trình bày:*

Về hôn nhân: Qua thời gian tìm hiểu, ông H và bà V tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn 13/12/1990 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông H thường xuyên uống rượu, đánh bạc rồi về nhà chửi mắng bà V và con chung, đập phá đồ đạc, dọa giết bà V nên bà V và ông H có cãi nhau qua lại nhưng ông H không đánh bà V. Mâu thuẫn trên giữa hai vợ chồng tồn tại khoảng 30 năm nay. Cách đây khoảng vài năm, ông H phát hiện bà V có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên những lúc uống rượu xong về nhà, ông H nghĩ lại cảm thấy bực tức trong người nên có chửi mắng bà V và đập phá đồ đạc. Một năm trở lại đây, ông H cũng hạn chế nói chuyện cùng bà V để tránh mâu thuẫn vợ chồng. Khoảng hơn 01 tháng nay, vợ chồng sống riêng với nhau do bà V phải chăm sóc cháu ngoại và quản lý nương rẫy chứ không vì mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, ông H nhận thấy bà V lạnh nhat tình cảm, không còn quan tâm, chăm sóc ông H.

Nay, vì còn tình cảm với bà V nên ông H không đồng ý ly hôn.

Trong thời gian Tòa án cho vợ chồng về nhà tự hòa giải đoàn tụ, ông H có điện thoại, nhắn tin hàn gắn nhưng bà V không trả lời, cũng không về nhà sống cùng ông H.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên: Phạm Thị Bích H, sinh năm 1991 và Phạm Tuấn V, sinh năm 1994. Các con chung đã trưởng thành nên ông H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án

xem xét, giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên toà*:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Phạm Văn H đăng ký tạm trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Đường NE4, tổ 5, khu phố 8, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Trần Thị Thu V khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Phạm Văn H nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "Tranh chấp về ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Trần Thị Thu V và bị đơn ông Phạm Văn H trên cơ sở tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang vào ngày 03/12/1990. Như vậy, hôn nhân giữa bà V và ông H là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà V và ông H đều thống nhất giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, không thể hàn gắn được. Nguyên nhân do ông H thường xuyên uống rượu, đánh bạc rồi về nhà chửi mắng bà V và con chung, đập phá đồ đạc, dọa giết bà V nên bà V và ông H có cãi nhau qua lại. Mâu thuẫn trên giữa hai vợ chồng tồn tại trong thời gian dài. Ngoài ra, vợ chồng chung sống nhưng không tin tưởng, lạnh nhạt tình cảm, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Hiện tại, vợ chồng đã sống ly thân. Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 03/01/2024 và ngày 04/01/2024, các con chung của bà V và ông H là ông Phạm Tuấn V cùng bà Phạm Thị Bích H cũng thừa nhận bà V và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được. Quá trình giải quyết, Tòa án đã cho vợ chồng thời gian để tự hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng bà V vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông H không còn hạnh phúc.

Ông H cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, đã được Tòa án hòa giải nhưng nay không thể hàn gắn được vì bà V vẫn tiếp tục yêu cầu ly hôn với ông H. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa bà V và ông H đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có hai con chung tên: Phạm Thị Bích H, sinh năm 1991 và Phạm Tuấn V, sinh năm 1994 đã trưởng thành nên bà V và ông H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà V và ông H không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu V đối với bị đơn ông Phạm Văn H về việc: Tranh chấp về ly hôn.

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thu V được ly hôn với ông Phạm Văn H.

- Về con chung: Phạm Thị Bích H, sinh năm 1991 và Phạm Tuấn V, sinh năm 1994 đã trưởng thành nên đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Thu V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002239 ngày 13/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã Tân Hiệp B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Hoàng An